TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2026/DS-ST
Ngày: 13 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Châu Thị Hồng Đào
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Khắc Nhu
2. Ông Phan Minh Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyến là thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1199/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 138/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: số C đường D, phường C (phường A, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Phương C, sinh năm 2002, địa chỉ: số D đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 0610/NVCS-PC ngày 06/10/2025).

Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ: số I đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Thúy M là luật sư của Công ty L và Công sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

(Bà C có mặt; bà N, ông T và bà M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Phương C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Theo Hợp đồng vay tiền được lập và công chứng tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 013011, quyển số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2024, ông Trương Văn D cho bà Trần Thị Hồng N vay với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 0%/1 tháng để sửa chữa nhà. Cùng ngày, bà Trần Thị Hồng N có viết tay Giấy vay tiền và thế chấp nhà có nội dung là bà N vay của ông D số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng và thế chấp cho ông D căn nhà số I đường N, phường H (Phường C, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh để làm tin. Bà N đã bán căn nhà này.

Thực tế, bà N đã trả cho ông D tiền lãi theo mức lãi suất 2%/1 tháng của khoản nợ gốc 500.000.000 đồng là 10.000.000 đồng/1 tháng từ tháng 10/2024 cho đến tháng 7/2025.

Theo sao kê tài khoản của ông D tại Ngân hàng E từ ngày 01/8/2025 đến ngày 30/9/2025 thể hiện: Bà N đã trả cho ông D số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng vào ngày 07/8/2025 và số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng vào ngày 05/9/2025. Vì vậy, bà N đã trả tiền lãi của khoản nợ gốc 450.0000 đồng là 9.000.000 đồng vào ngày 20/8/2025 và tiền lãi của khoản nợ gốc 400.000.000 đồng là 8.000.000 đồng vào ngày 20/9/2025. Bà N đã trả cho ông D tổng số tiền lãi từ tháng 10/2024 đến ngày 20/9/2025 là 117.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, bà N có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông D là 20%/1 năm, cụ thể:

Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 21/7/2025 là (10 tháng x 500.000.000 đồng x 20%/1 năm) : 12 tháng = 83.333.333 đồng;

Từ 21/7/2025 đến ngày 20/8/2025 là (01 tháng x 450.000.000 đồng x 20%/1 năm) : 12 tháng = 7.500.000 đồng;

Từ ngày 21/8/2025 đến ngày 20/9/2025 là (01 tháng x 400.000.000 đồng x 20%/1 năm) : 12 tháng = 6.666.666 đồng.

Tổng cộng là 97.499.999 đồng

Ông D đồng ý trừ số tiền bà N đã lãi trả cao hơn 20%/1 năm vào nợ gốc là 400.000.000 đồng – (117.000.000 đồng - 97.499.999) = 380.499.999 đồng

- Theo Hợp đồng vay tiền được lập và công chứng tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 17745, quyển số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/10/2024, ông Trương Văn D cho bà Trần Thị Hồng N với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 18/02/2025, không tính lãi.

Thực tế, bà N đã trả cho ông D tiền lãi theo mức lãi suất 2,5%/1 tháng của khoản nợ gốc 200.000.000 đồng kể từ tháng 11/2024 đến ngày 19/9/2025 là 5.000.000 đồng x 11 tháng = 55.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, bà N có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông D là 20%/1 năm tính từ ngày 18/11/2024 đến ngày 19/9/2025 là (11 tháng x 200.000.000 đồng x 20%/1 tháng) : 12 tháng = 36.666.666 đồng.

Ông D đồng ý trừ số tiền bà N đã lãi trả cao hơn 20%/1 năm vào nợ gốc là 200.000.000 đồng – (55.000.000 đồng - 36.666.666 đồng) = 181.666.666 đồng.

Do bà Trần Thị Hồng N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Trương Văn D khởi kiện yêu cầu:

- Bà Trần Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn D tổng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2024 và Hợp đồng vay tiền ngày 18/10/2024 là 615.964.108 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

Nợ gốc là 562.166.665 đồng;

Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc là 380.499.999 đồng tính từ ngày 21/09/2025 đến ngày 13/3/2026 là 174 ngày, với mức lãi suất 20%/năm, số tiền lãi phát sinh là (380.499.999 đồng x 174 ngày x 20%/1 năm) : 365 ngày = 36.277.808 đồng.

Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc là 181.666.666 đồng tính từ ngày 19/9/2025 đến ngày 28/01/2026 là 176 ngày, với mức lãi suất 20%/năm, số tiền lãi phát sinh là (181.666.666 đồng x 176 ngày x 20%/1 năm) : 365 ngày = 17.519.635 đồng.

- Bà N tiếp tục trả tiền lãi chậm trả đối với 02 khoản nợ gốc nêu trên cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

2. *Bị đơn – bà Trần Thị Hồng N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương Văn D khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng N trả nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2024 và Hợp đồng vay tiền ngày 18/10/2024. Bà N cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện, thời gian, địa điểm Tòa án triệu tập để bà N biết mà tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

- Xét, theo sao kê tài khoản của ông D tại Ngân hàng E từ ngày 01/8/2025 đến ngày 30/9/2025 thể hiện bà N còn nợ ông D số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng của Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2024 và số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng của Hợp đồng vay tiền ngày 18/10/2024.

- Xét, ông D đã trừ số tiền bà N đã trả lãi cao hơn mức lãi suất 20%/1 năm vào số tiền nợ gốc nêu trên, từ đó ông D yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2024 là 380.499.999 đồng và trả số tiền nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/10/2024 là 181.666.666 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Xét, bà N có nghĩa vụ trả đủ tiền cho ông D khi đến hạn. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét có đủ cơ sở để buộc bà N trả cho ông D tổng số tiền nợ gốc là 562.166.665 đồng.

- Xét, bà N không trả nợ gốc cho ông D khi đến hạn nên ông D yêu cầu bà N trả tiền lãi chậm trả của khoản vay 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/1 năm tính từ ngày là 21/09/2025 đến ngày xét xử là 36.277.808 đồng và trả tiền lãi chậm trả của khoản vay 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/1 năm tính từ ngày 19/9/2025 đến ngày xét xử là 17.519.635 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, ông D yêu cầu bà N trả tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả là 615.964.108 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, ông D yêu cầu bà N tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 14/3/3036 cho đến khi bà N thi hành án xong là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trần Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn D tổng số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2024 và Hợp đồng vay tiền ngày

18/10/2024 là 615.964.108 đồng (sáu trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm lẽ tám) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: tổng số tiền nợ gốc là 562.166.665 (năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm) đồng và tổng số tiền nợ lãi chậm trả tính đến ngày 13/3/2026 là 53.797.443 (năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi ba) đồng.

Kể từ ngày 14/3/2026 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D được nhận lại số tiền tạm nộp án phí là 16.507.398 (mười sáu triệu năm trăm lẽ bảy ngàn ba trăm chín mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0040143 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N phải nộp số tiền án phí là 28.638.564 (hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi bốn) đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào